

Số: /TTHN-TCG
V/v cung cấp thông tin về giá bán
bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với
tài sản phục vụ khám bệnh, chữa bệnh

Tam Quan, ngày tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ bán Bảo hiểm trong cơ sở y tế.

Trung tâm Y tế Hoài Nhơn hiện có nhu cầu: Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với tài sản phục vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Trung tâm Y tế Hoài Nhơn kính đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong cơ sở y tế, cung cấp thông tin về giá, cụ thể như sau:

1. Danh mục đề nghị cung cấp thông tin:

ĐVT: đồng

TT	Nguyên giá của tài sản	Lũy kế hao mòn của tài sản	Giá trị còn lại của tài sản
1	188.814.766.741	34.462.861.698	154.351.905.043

Có danh mục mua bảo hiểm cháy, nổ tài sản bắt buộc kèm theo.

2. Khi báo giá, đề nghị các đơn vị lưu ý những nội dung sau đây:

- Tỷ lệ mua bảo hiểm thực hiện theo Phụ lục VI mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc ban hành kèm theo Nghị định 105/2025/NĐ-CP quy định mức phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

- Hiệu lực của báo giá: ≥ 60 ngày, kể từ ngày chào giá.

- Giá của hàng hóa đã bao gồm thuế VAT và tất cả các chi phí liên quan.

3. Yêu cầu về thông tin cung cấp:

- Số lượng của báo giá: 01 bản gốc.

- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt.

- Loại tiền sử dụng: Việt Nam đồng.

- Người đại diện cho Công ty/Doanh nghiệp tham dự chào giá phải ghi rõ tên Công ty/Doanh nghiệp, địa chỉ trên bì thư báo giá.

- Bảng báo giá phải được bỏ vào phong bì thư dán kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc báo giá.

4. Thông tin nhận báo giá:

- Báo giá gửi qua đường bưu điện về nơi nhận: Trung tâm Y tế Hoài Nhơn (Phòng Văn thư lưu trữ). Số điện thoại: 0256.3765.892.

- Địa chỉ: 428 Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 7, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai.

5. Thời gian gửi Báo giá về Trung tâm Y tế Hoài Nhơn đến hết ngày 29/04/2026 (Trong giờ hành chính).

Rất mong sự hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT của đơn vị;
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Vinh

DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số /TTYT-TCKT ngày /04/2026 của TTYT Hoài Nhơn)

ĐVT: đồng

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Loại tài sản: Cấp II		1	40.338.162.968	35.497.583.411
1	Nhà điều trị 7 tầng (6.450m ²)	1	40.338.162.968	35.497.583.411
Loại tài sản: Cấp III		4	66.337.026.000	63.683.544.960
1	Nhà làm việc khoa Dược - Vật tư, TBYT	1	5.987.748.000	5.748.238.080
2	Nhà làm việc khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Dinh dưỡng	1	5.143.418.000	4.937.681.280
3	Nhà làm việc khoa Truyền nhiễm	1	7.354.538.000	7.060.356.480
4	Nhà làm việc Khu khám và điều trị	1	47.851.322.000	45.937.269.120
Loại tài sản: Cấp IV		14	6.026.100.518	4.531.106.206
1	Nhà bảo vệ khu nhà 7 tầng (15m ²)	1	206.226.351	123.694.563
2	Nhà bảo vệ phía sau bệnh viện	1	184.730.000	172.408.509
3	Nhà bếp ăn tình thương (76.5m ²)	1	398.087.372	238.772.804
4	Nhà căng tin phục vụ bệnh nhân khu 7 tầng (96,75m ²)	1	527.945.446	351.875.641
5	Nhà đặt hệ thống khí y tế trung tâm	1	233.168.000	217.615.694
6	Nhà đặt máy bơm	1	177.256.000	165.433.024
7	Nhà đặt máy phát điện dự phòng khu nhà 7 tầng (20m ²)	1	167.850.631	100.676.809
8	Nhà để xe bệnh nhân khu 7 tầng (856m ²)	1	730.097.654	437.912.570
9	Nhà để xe nhân viên khu 7 tầng (357m ²)	1	244.704.254	146.773.610
10	Nhà để xe, gara ô tô	1	1.157.250.000	1.080.061.425
11	Nhà tang lễ	1	890.586.000	831.183.913
12	Nhà thu gom chất thải rắn khu nhà 7 tầng (60m ²)	1	327.472.890	196.418.238
13	Nhà trạm bơm khu nhà 7 tầng (21m ²)	1	106.299.596	63.758.498
14	Nhà xử lý nước thải (Trạm xử lý nước thải + Nhà đặt thiết bị + Bể xử lý nước thải) khu nhà 7 tầng (20m ²)	1	674.426.324	404.520.908
Loại tài sản: Các vật kiến trúc khác		3	6.676.908.784	5.211.013.516
1	Bể nước ngầm sinh hoạt và PCCC (DT 300m ³)	1	758.221.336	303.288.532
1	Công , tường rào khu nhà 7 tầng (415m)	1	1.596.408.784	638.563.516
2	Hành lang cầu kết nối các hạng mục công trình (5 hành lang)	1	3.801.807.000	3.421.626.300
3	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà	1	1.278.693.000	1.150.823.700
Loại tài sản: Xe cứu thương thông thường		3	2.620.600.000	1.426.736.700
1	Xe cứu thương Hyundai Grand Starex (77A-00248)	1	664.000.000	309.689.600
2	Xe cứu thương Hyundai Solati 77A-005.42	1	1.255.600.000	836.857.400

3	Xe ô tô cứu thương (Huydai Grand Starex H-1) 77A-003.50	1	701.000.000	280.189.700
Loại tài sản: Xe bán tải		1	669.269.172	44.439.471
1	Xe ô tô MISUBISHI TRTON - GL (77A-002.73)	1	669.269.172	44.439.471
Loại tài sản: Máy vi tính để bàn		46	672.440.000	433.352.000
1	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301525 (CPU); WUV2335A1144 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
2	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301539 (CPU); WUV2335A0260 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
3	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301575 (CPU); WUV2335A1699 (Màn hình) TCKT (Duyên)	1	15.000.000	6.000.000
4	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301609 (CPU); WUV2335A0336 (Màn hình) (Sang TCHC)	1	15.000.000	6.000.000
5	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301630 (CPU); WUV2335A0322 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
6	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301652 (CPU); WUV2335A1560 (Màn hình) Khám bệnh	1	15.000.000	6.000.000
7	Bộ máy vi tính FPT Elead T1240i Core i5 Seri: WT0612221938; (Phòng BS Đình)	1	15.000.000	6.000.000
8	Bộ máy vi tính FPT Elead T1240i Core i5 Seri: WT0612221955; Phòng Khám số 1)	1	15.000.000	6.000.000
9	Bộ máy vi tính FPT Elead T1240i Core i5 Seri: WT0612222016; Khoa YHCT	1	15.000.000	6.000.000
10	Bộ máy vi tính FPT Elead T1240i Core i5 Seri: WT0612222036; Khoa YHCT	1	15.000.000	6.000.000
11	Bộ máy vi tính FPT Elead T1240i Core i5 Seri: WT0612222051; Phòng KHNH (Luyên)	1	15.000.000	6.000.000
12	Máy tính để bàn HP Pro Tower	1	14.500.000	11.600.000
13	Máy tính để bàn HP Pro Tower	1	14.500.000	11.600.000
14	Máy tính để bàn HP Pro Tower	1	14.500.000	11.600.000
15	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
16	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
17	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
18	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
19	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
20	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000

Loại tài sản: Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)		6	89.700.000	53.820.000
1	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
2	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
3	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
4	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
5	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
6	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
Loại tài sản: Tủ đựng tài liệu		1	15.870.000	12.696.000
1	Tủ để tài liệu (4 tầng, 8 hộc, 2 cánh cửa)	1	15.870.000	12.696.000
Loại tài sản: Máy vi tính để bàn		12	254.520.000	109.288.000
1	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
2	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
3	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
4	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
5	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
6	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
7	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
8	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
9	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
10	Bộ máy vi tính để bàn HP 280 Pro G6 MT; HP V20 HD 19,5 LED	1	15.600.000	6.240.000
11	Máy chủ Dell poweredge T30Mini Tower Server (Phòng TCKT)	1	79.820.000	31.928.000
12	Máy Vi tính thương hiệu Việt Nam (Model: THÁNH GIÓNG P/N: NSVI71416512W)	1	18.700.000	14.960.000
Loại tài sản: Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)		20	290.000.000	232.000.000
1	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
2	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
3	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
4	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
5	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
6	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
7	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
8	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
9	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
10	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
11	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
12	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
13	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
14	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000

15	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
16	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
17	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
18	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
19	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
20	Máy tính xách tay HP 250 G9	1	14.500.000	11.600.000
Loại tài sản: Tủ đựng tài liệu		4	62.660.000	50.128.000
1	Tủ inox 304/304 để tài liệu phòng điều dưỡng (Cao 182 cm x ngang 90 cm x rộng 40cm, 3 ngăn 4 tầng có bánh xe)	1	17.310.000	13.848.000
2	Tủ Inox 304/304 để thiết bị y tế (cao 170cm x ngang 100cm x rộng 50cm; 03 ngăn; 04 tầng; có bánh xe đẩy cao 5cm)	1	16.450.000	13.160.000
3	Tủ nhôm 15 ô để quần áo cho bệnh nhân có bánh xe đẩy (cao 170cm x ngang 120cm)	1	14.450.000	11.560.000
4	Tủ nhôm 15 ô để tài liệu, có bánh xe đẩy (Cao 170cm x ngang 120cm)	1	14.450.000	11.560.000
8	Tủ nhôm để tài liệu (Khoa HSCC)	1	10.120.000	
Loại tài sản: Máy scan		1	10.450.000	4.180.000
1	Máy quét hai mặt Fujitsu Scanner (PA03811-B001)	1	10.450.000	4.180.000
Loại tài sản: Máy photocopy		1	98.500.000	59.100.000
1	Máy photocopy FUJIFILM APEOS 4570	1	98.500.000	59.100.000
Loại tài sản: Bộ bàn ghế họp		2	23.400.000	8.775.000
1	Bộ bàn ghế họp giao ban Viễn Thông (01 bàn + 6 ghế) (Phòng P. Giám đốc 2)	1	11.700.000	4.387.500
2	Bộ bàn ghế họp giao ban Viễn Thông (01 bàn + 6 ghế) Phó TCHC	1	11.700.000	4.387.500
Loại tài sản: Máy điều hòa không khí		3	34.710.000	16.203.750
1	Máy điều hòa không khí Nagakawa	1	12.750.000	7.968.750
2	Máy điều hòa không khí Nagakawa- NS-C12 R2T02 (Phòng P. Giám đốc 2)	1	10.980.000	4.117.500
3	Máy điều hòa không khí Nagakawa- NS-C12 R2T02 (Phòng Văn thư lưu trữ)	1	10.980.000	4.117.500
Loại tài sản: Máy hút ẩm, hút bụi		1	11.200.000	4.480.000
1	Máy hút ẩm 6L MEACO 3	1	11.200.000	4.480.000
Loại tài sản: Tivi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác		4	47.480.000	28.488.000
1	Tivi Led 4K 55 inch	1	11.870.000	7.122.000
2	Tivi Led 4K 55 inch	1	11.870.000	7.122.000
3	Tivi Led 4K 55 inch	1	11.870.000	7.122.000
4	Tivi Led 4K 55 inch	1	11.870.000	7.122.000
Loại tài sản: Thiết bị âm thanh		1	10.200.000	8.160.000
1	Âm ly Paramax SA999	1	10.200.000	8.160.000
Loại tài sản: Tủ lạnh, máy làm mát		1	127.100.000	31.775.000
1	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin	1	127.100.000	31.775.000

	TCW 4000 AC			
Loại tài sản: Máy giặt		6	112.720.000	52.382.000
1	Máy giặt Hitachi	1	26.250.000	10.500.000
3	Máy giặt LG Inverter 22kg, TH2722SSAK (Bộ phận KSNK)	1	23.090.000	4.618.000
4	Máy giặt Panasonic Inverter 16kg NA- FD76VBRV (Bộ phận KSNK)	1	22.400.000	4.480.000
5	Máy giặt TX2725AT9G 25Kg	1	20.490.000	16.392.000
6	Máy giặt TX2725AT9G 25Kg	1	20.490.000	16.392.000
Loại tài sản: Thiết bị mạng, truyền thông		13	344.275.000	246.030.000
1	Hệ thống camera DH-IPC-HSW1230SP- S5 + Ổ cứng Western Purple 10Tb WD102PURZ 7200RPM SATA3256Mb (Phòng CNTT)	1	73.475.000	29.390.000
2	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
3	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
4	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
5	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
6	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
7	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
8	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
9	Switch access 24 cổng hỗ trợ POE + TP- Link SG3428MP	1	11.000.000	8.800.000
10	Thiết bị Switch Access (24 port) CISCO C1200-24T-4G	1	15.410.000	12.328.000
11	Thiết bị Switch Access (24 port) CISCO C1200-24T-4G	1	15.410.000	12.328.000
12	Thiết bị Switch Access (24 port) CISCO C1200-24T-4G	1	15.410.000	12.328.000
13	Thiết bị Switch Core CISCO C9300-24T- A	1	136.570.000	109.256.000
Loại tài sản: Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu		1	126.500.000	50.600.000
1	Thiết bị tường lửa chống virus & thâm nhập FortiGate-200E Bundle Security Appliance	1	126.500.000	50.600.000
Loại tài sản: Thang máy		3	6.080.171.747	1.520.042.933
1	Thang máy dành cho bệnh nhân NEXIEZ-MR 1UNIT P20(1350kg)-2S- 60MPM,2C2BC,7S/O P2	1	2.176.557.823	544.139.455
2	Thang máy dành cho nhân viên NEXIEZ-MR 1UNIT P20(1350kg)-2S- 60MPM,2C2BC,7S/O P1	1	2.176.557.823	544.139.455
3	Thang máy dành cho PCCC NEXIEZ-	1	1.727.056.101	431.764.023

	MR 1UNIT P20(750kg)-2S-60MPM,2C2BC,7S/O P3			
Loại tài sản: Máy bơm nước		4	88.747.572	38.386.884
1	Máy bơm nước bù áp động cơ điện	1	32.400.000	24.300.000
2	Máy bơm nước sinh hoạt khu 7 tầng	1	18.782.524	4.695.628
3	Máy bơm nước sinh hoạt khu 7 tầng	1	18.782.524	4.695.628
4	Máy bơm nước sinh hoạt khu 7 tầng	1	18.782.524	4.695.628
Loại tài sản: Két sắt		1	13.580.000	11.882.500
1	Kệ để quần áo bệnh nhân 3 tầng, mỗi tầng 3 ngăn ốp Alu	1	13.580.000	11.882.500
Loại tài sản: Bàn ghế hội trường		1	27.500.000	24.062.500
1	Bàn họp (KT: dài 5m10 x rộng 1m50 x cao 0m78 Gỗ Gỗ MKB nhập khẩu (nhóm 2), khung xương ván bên trong gỗ nhóm 3)	1	27.500.000	24.062.500
Loại tài sản: Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật		38	541.800.000	229.008.750
1	Kệ để chứng từ (200cm x 305cm x 55cm); Phòng TCKT	1	14.700.000	7.350.000
2	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
3	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
4	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
5	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
6	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
7	Kệ để lưu trữ chứng từ kế toán (240cm x 300cm x 55cm) Phòng TCKT	1	13.580.000	5.092.500
8	Kệ sắt để đồ bệnh nhân khung sắt kẽm 4 ngăn 5 tầng (Cao 212, ngang 212, rộng 75)cm	1	13.850.000	8.656.250
9	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa Ngoại TH)	1	17.000.000	6.375.000
10	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa CSSKSS)	1	14.500.000	5.437.500
11	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa CSSKSS)	1	14.500.000	5.437.500
12	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa CSSKSS)	1	14.500.000	5.437.500
13	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa HSCC)	1	14.500.000	5.437.500
14	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa HSCC)	1	14.500.000	5.437.500
15	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa Khám bệnh)	1	14.500.000	5.437.500
16	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa Khám bệnh)	1	14.500.000	5.437.500
17	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa NNTN)	1	14.500.000	5.437.500

18	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Khoa YHCT)	1	14.500.000	5.437.500
19	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Phòng KHNH - ĐD))	1	14.500.000	5.437.500
20	Tủ để dụng cụ chuyên môn Inox 304/304L (Phòng P. Giám đốc 01))	1	14.500.000	5.437.500
21	Tủ để quần áo nhân viên 9 ngăn (170 x 270 x 50) Khoa NNTN	1	16.050.000	6.018.750
22	Tủ để quần áo nhân viên Tungkuang (Khoa HSCC)	1	13.000.000	4.875.000
23	Tủ để tài liệu Inox 304/304L (Khoa Khám bệnh)	1	15.500.000	5.812.500
24	Tủ để thuốc hóa chất, vật tư Inox 304/304L(Khoa Ngoại TH)	1	15.000.000	5.625.000
25	Tủ để thuốc tủ trực khung Inox 304/304L (Khoa Nhiễm)	1	16.550.000	10.343.750
26	Tủ để tư trang cho bệnh nhân (185 x 130 x 45)cm; Khoa NNTN	1	12.650.000	7.906.250
27	Tủ để tư trang cho bệnh nhân Tungkuang (Khoa HSCC)	1	11.000.000	4.125.000
28	Tủ để tư trang cho bệnh nhân Tungkuang (Khoa HSCC)	1	11.000.000	4.125.000
29	Tủ để tư trang cho bệnh nhân(180 x 120 x 45) cm; Khoa Ngoại TH	1	12.100.000	7.562.500
30	Tủ để tư trang cho bệnh nhân(180 x 120 x 45) cm; Khoa Ngoại TH	1	12.100.000	7.562.500
31	Tủ đựng hồ sơ loại 3 tầng, 02 cánh mở và 02 hộc kéo (185 x 120 x 45)cm; Bộ phận Văn thư	1	17.050.000	10.656.250
32	Tủ đựng phương tiện bảo hộ chống dịch (170 x 90 x 40) Khoa NNTN	1	14.970.000	5.613.750
33	Tủ đựng thuốc Inox 304/304L (Khoa NNTN)	1	14.970.000	5.613.750
34	Tủ đựng vật tư y tế Inox 304/304L (Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm)	1	14.970.000	5.613.750
35	Tủ Inox 304 đựng thuốc - VTYT loại 6 ngăn (170cm x 90cm x 40cm) Khoa CSSKSS	1	13.970.000	1.746.250
36	Tủ nhôm để quần áo nhân viên (Kiểm soát nhiễm khuẩn)	1	12.490.000	3.122.500
37	Tủ quần áo nhân viên 8 ngăn (Cao 170 x Ngang 220 x Rộng 60) cm	1	15.950.000	9.968.750
38	Tủ quần áo nhân viên 8 ngăn (Cao 170 x Ngang 220 x Rộng 60) cm	1	15.950.000	9.968.750
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác		13	25.863.678.560	18.763.211.909
1	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà khu 7 tầng	1	1.663.880.790	415.970.196
2	Hệ thống điện ngoài nhà	1	2.034.579.000	1.780.256.625
3	Hệ thống khí y tế khu điều trị 7 tầng	1	2.974.408.000	1.487.204.000
4	Hệ thống PCCC ngoài nhà	1	1.644.588.000	1.439.014.500
5	Máy móc thiết bị nhà mới giai đoạn 2	1	13.421.987.000	11.744.238.625

6	Máy phát điện dự phòng 630KVA (Máy phát điện xoay chiều 3 pha)	1	995.760.000	871.290.000
7	Máy sấy thông hơi Whirlpool 3LWED4815FW0, 15 Kg	1	20.900.000	18.287.500
8	Máy sấy thông hơi Whirlpool 3LWED4815FW0, 15 Kg	1	20.900.000	18.287.500
9	Quang báo điện tử (KT 0.7x6m)	1	62.640.000	7.830.000
10	Thiết bị hệ thống PCCC	1	742.476.638	185.619.158
11	Thiết bị hệ thống xử lý nước thải	1	994.882.132	248.720.530
12	Trạm biến áp 03 pha 560KVA-22/0,4kV	1	1.053.362.000	342.342.650
13	Trạm biến áp 560KVA	1	233.315.000	204.150.625
Loại tài sản: Bộ bàn ghế tiếp khách		2	867.000.000	758.625.000
1	Đèn mô treo trần	1	433.500.000	379.312.500
2	Đèn mô treo trần	1	433.500.000	379.312.500
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác		143	19.111.013.420	10.685.810.623
1	Bàn bó bột kéo xương	1	22.000.000	19.250.000
2	Bàn nắn kéo xương bó bột	1	24.992.000	21.868.000
3	Bộ đặt nội khí quản	1	10.200.000	8.925.000
4	Bộ đặt nội khí quản	1	10.200.000	8.925.000
5	Bộ đặt nội khí quản có camera	1	41.700.000	36.487.500
6	Bộ đặt nội khí quản có camera	1	41.700.000	36.487.500
7	Bộ đặt nội khí quản có camera	1	41.700.000	36.487.500
8	Bộ dụng cụ cắt Amidan	1	20.700.000	18.112.500
9	Bộ dụng cụ cắt Amidan	1	20.700.000	18.112.500
10	Bộ dụng cụ cắt búi trĩ	1	30.000.000	26.250.000
11	Bộ dụng cụ cắt mộng	1	30.000.000	26.250.000
12	Bộ dụng cụ mổ lấy thai và cắt tử cung Surtex (Khoa CSSKSS)	1	157.920.000	35.532.000
13	Bộ dụng cụ mổ quặm	1	57.000.000	49.875.000
14	Bộ dụng cụ tháo nẹp vít đa năng	1	27.000.000	23.625.000
15	Bơm tiêm điện	1	25.300.000	22.137.500
16	Bơm tiêm điện	1	25.300.000	22.137.500
17	Bơm tiêm điện	1	25.300.000	22.137.500
18	Bơm tiêm điện	1	25.300.000	22.137.500
19	Bơm tiêm điện	1	25.300.000	22.137.500
20	Bơm tiêm điện Perfusor Compact Plus (HSCC)	1	34.000.000	21.250.000
21	Bơm tiêm điện Perfusor Compact Plus (HSCC)	1	34.000.000	21.250.000
22	Dao mổ điện cao tần (Máy cắt đốt cao tần)	1	172.000.000	150.500.000
23	Đèn mô di động (Đèn mô và phụ kiện)	1	205.000.000	179.375.000
24	Đèn mô di động ST-LED60M/ST Francis; Seri: 60M0016 (Phòng mổ)	1	191.950.000	23.993.750
25	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
26	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
27	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
28	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
29	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
30	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
31	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450

32	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
33	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
34	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
35	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
36	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
37	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
38	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
39	Giường bệnh đa năng	1	61.842.000	13.914.450
40	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
41	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
42	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
43	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
44	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
45	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
46	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
47	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
48	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
49	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
50	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
51	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
52	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
53	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
54	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
55	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
56	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
57	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
58	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
59	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
60	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
61	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
62	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
63	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
64	Giường bệnh nhân	1	36.520.000	8.217.000
65	Giường kéo giãn cột sống	1	119.000.000	104.125.000
66	Giường sưởi ấm/Máy làm ấm sơ sinh	1	70.000.000	61.250.000
67	Hệ thống kéo giãn cột sống (Máy kéo giãn cột sống)	1	402.000.000	351.750.000
68	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, tá tràng)	1	1.445.000.000	1.264.375.000
69	Kính Hiển vi 3 mắt có kết nối với camera KTS	1	70.000.000	43.750.000
70	Kính hiển vi phẫu thuật mắt OM-6; Seri: 20700266 (Khoa Khám bệnh)	1	284.025.000	177.515.625
71	Kính thực tế ảo Oculus Rift S; DA PHCN (Khoa YHCT)	1	16.500.000	5.362.500
72	Lồng áp trẻ sơ sinh	1	150.000.000	93.750.000
73	Màn hình chuyên dụng (Chuẩn đoán hình ảnh) 21HQ513D-S	1	108.000.000	94.500.000
74	Máy cất nước một lần 8 lít/ giờ Disti-On 8S I; Seri: 051089 (Phòng Xét nghiệm)	1	99.000.000	32.175.000
75	Máy cưa cắt bột	1	14.000.000	12.250.000
76	Máy điện não	1	39.900.000	24.937.500

77	Máy điện tim 3 kênh ECG-2150/ Nihon Kodan ; Seri: 0103663(Khoa HSCC))	1	38.990.000	4.873.750
78	Máy điện tim 3 kênh ECG-2150/ Nihon Kodan; Seri: 0103677 - Nhật Bản (Khoa NNL)	1	38.990.000	4.873.750
79	Máy điều trị xung điện	1	89.000.000	77.875.000
80	Máy điều trị xung điện (Máy điều trị bằng sóng siêu âm kết hợp kích thích điện và điện phân)	1	228.600.000	200.025.000
81	Máy đo chức năng hô hấp	1	109.000.000	81.750.000
82	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm	1	17.992.800	11.245.500
83	Máy đo nhịp tim thai bằng siêu âm	1	17.992.800	11.245.500
84	Máy gây mê kèm thở GE Medical Systems	1	750.000.000	468.750.000
85	Máy giặt vắt công nghiệp 35kg	1	285.000.000	156.750.000
86	Máy khí dung siêu âm	1	19.500.000	17.062.500
87	Máy lấy vôi (cao răng)	1	29.000.000	25.375.000
88	Máy ly tâm	1	79.000.000	49.375.000
89	Máy ly tâm	1	78.470.000	68.661.250
90	Máy ly tâm	1	52.000.000	39.000.000
91	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số EfficiaCM120, Seri: CN92387433, Viện trợ PCD Covid (Khoa NNTN)	1	95.000.000	40.375.000
92	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số EfficiaCM120, Seri: CN9287433, Viện trợPCD Covid (Khoa HSCC)	1	95.000.000	40.375.000
93	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân BSM - 3763, Seri: 20497 Tài trợ (Khoa HSCC)	1	140.000.000	59.500.000
94	Máy nội soi mũi xoang Insight - I / Mediana: Seri: ML1CB190611(Khoa khám bệnh)	1	245.490.000	55.235.250
95	Máy phân tích huyết học	1	240.000.000	180.000.000
96	Máy phân tích huyết học tự động	1	60.000.000	45.000.000
97	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số MEK-6510K -Nihon Kohden; Seri: 4320 + máy in LQ 300 (Phòng xét nghiệm)	1	281.900.000	35.237.500
98	Máy phân tích miễn dịch	1	838.000.000	733.250.000
99	Máy phân tích miễn dịch Huỳnh quang	1	59.850.000	44.887.500
100	Máy phân tích nước tiểu bán tự động 10 thông sốClinitek Status /Siemens; Seri: 2307 (Phòng Xét nghiệm)	1	36.981.000	8.320.725
101	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV	1	22.000.000	7.150.000
102	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV	1	22.000.000	7.150.000
103	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV	1	22.000.000	7.150.000
104	Máy siêu âm chẩn đoán màu Logiq P7 GE Healthcare; Seri: LP7001594 +Bộ lưu điện Santak C2K + Bộ máy vi tính VOSTRO 36668MT Dell +Máy in	1	1.399.000.000	174.875.000

	HPM254nw (Phòng SA màu)			
105	Máy siêu âm màu 4D	1	1.393.000.000	1.218.875.000
106	Máy siêu âm tổng quát Voluson S8	1	1.391.000.000	869.375.000
107	Máy sinh hóa bán tự động Evolution 3000; Seri: 40265 (Đ/c TTTGDDYK))	1	118.650.000	26.696.250
108	Máy sinh hóa tự động 180 test/ giờ (gồm điện giải) XL 180 (Seri: S160227) + Máy vi tính Dell + máy in Canon 2900 (Phòng Xét nghiệm)	1	699.993.000	157.498.425
109	Máy soi cổ tử cung	1	247.000.000	216.125.000
110	Máy SPO2 dạng cầm tay Invacare Seri: 3401NVO (Khoa HSCC)	1	11.500.000	
111	Máy súc rửa dạ dày	1	37.800.000	33.075.000
112	Máy tạo Oxy V8-WN-NS, Seri: 2448508060520 (Viện trợ WHO) Khoa NNTN	1	24.960.364	10.608.155
113	Máy tạo Oxy V8-WN-NS; Seri 2448504060520 Viện trợ WHO (Khoa NNTN)	1	24.960.364	10.608.155
114	Máy tạo Oxy V8-WN-NS; Seri 2448506060520 Viện trợ WHO (Khoa NNTN)	1	24.960.364	10.608.155
115	Máy tạo Oxy V8-WN-NS; Seri 2448525060620 Viện trợ WHO (Khoa HSCC)	1	24.960.364	10.608.154
116	Máy tạo Oxy V8-WN-NS; Seri 2448753060820 Viện trợ WHO (Khoa NNTN)	1	24.960.364	10.608.154
117	Máy theo dõi bệnh nhân	1	114.800.000	100.450.000
118	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng Avalon FM20; Philips Medizin Systeme Boblingen GmbH; Seri: DE65859158 (Khoa CSSKSS)	1	109.579.000	68.486.875
119	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng Avalon FM20; Philips Medizin Systeme Boblingen GmbH; Seri: DE65863488 (Khoa CSSKSS)	1	109.579.000	68.486.875
120	Máy thở CPAP không xâm nhập, chạy điện Remstar Auto/ Philips Respronic; Seri: P229231256864 (Khoa HSCC)	1	99.950.000	12.493.750
121	Máy truyền dịch (Bơm truyền dịch)	1	26.450.000	23.143.750
122	Máy truyền dịch (Bơm truyền dịch)	1	26.450.000	23.143.750
123	Máy truyền dịch (Bơm truyền dịch)	1	26.450.000	23.143.750
124	Máy truyền dịch (Bơm truyền dịch)	1	26.450.000	23.143.750
125	Máy truyền dịch (Bơm truyền dịch)	1	26.450.000	23.143.750
126	Máy truyền dịch TE-LF630; Seri: 2110010044 (Khoa HSCC)	1	32.500.000	20.312.500
127	Máy truyền dịch TE-LF630; Seri: 2110010045 (Khoa HSCC)	1	32.500.000	20.312.500

128	Máy truyền dịch TE-LF630; Seri: 2110010046 (Khoa HSCC)	1	32.500.000	20.312.500
129	Máy vi sóng xung và liên tục (Máy vi sóng điều trị)	1	164.900.000	144.287.500
130	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số MEK-6510K Nihon Kohden (Seri: 05673) + máy in EPSON(Phòng xét nghiệm)	1	281.925.000	63.433.125
131	Máy xét nghiệm nước tiểu	1	31.000.000	23.250.000
132	Máy xét nghiệm phân tích HbA1c; Pocketchern A1c; Seri:5F005 9 (Khoa XN - CĐHA)	1	65.000.000	40.625.000
133	Máy xét nghiệm sinh hóa	1	791.060.000	593.295.000
134	Monitor phòng mổ 6 thông số DS-8100N/Fukuda Desnhi; Seri: 301039 (Phòng mổ)	1	179.000.000	22.375.000
135	Monitor sản khoa hai chức năng FM-300, Seri: M18610500005 Advanced -Mỹ (Khoa CSSKSS)	1	93.000.000	11.625.000
136	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số BSM-3562 / Nihon Kohden; Seri: 25253 (Khoa HSCC	1	168.945.000	38.012.625
137	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số DS-8100N/ Fukuda Desnhi, Seri: 50301038 (Khoa HSCC)	1	159.000.000	19.875.000
138	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số DS-8100N/ Fukuda Desnhi, Seri: 50301039 (Khoa HSCC)	1	159.000.000	19.875.000
139	Nồi hấp 75 lít chạy điện SJ-FW80 / Shinjieng; Seri: SJFW80190909002(Phòng Xét nghiệm)	1	167.970.000	37.793.250
140	Nồi hấp tiệt trùng	1	61.950.000	46.462.500
141	Nồi hấp tiệt trùng	1	405.000.000	354.375.000
142	Tủ nuôi cấy an toàn sinh học cấp 2 JSCB-1500SB/JSB (Viện trợ BV Lao), Seri: 181126-09	1	174.790.000	21.848.750
143	Tủ nuôi cấy an toàn sinh học cấp 2 SJ402-SM / Shinjieng;; Seri: SJ402SM191210001 (Phòng xét nghiệm)	1	172.997.000	38.924.325
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị khác		1	1.424.250.000	1.246.218.750
1	Hệ thống khí y tế	1	1.424.250.000	1.246.218.750
Loại tài sản: Tài sản cố định hữu hình khác		4	57.800.000	50.575.000
1	Mô hình đặt ống thông dạ dày	1	14.500.000	12.687.500
2	Mô hình đặt thông tiêu nữ	1	14.900.000	13.037.500
3	Mô hình thực hành băng bó chăm sóc vết thương	1	18.000.000	15.750.000
4	Mô hình truyền dịch trên cánh tay	1	10.400.000	9.100.000
Phòng ban: Phòng Dân số		5	80.130.000	53.020.000
Loại tài sản: Máy móc thiết bị		5	80.130.000	53.020.000
1	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000

2	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media XQ5P-B86	1	14.850.000	8.910.000
3	Máy tính xách tay	1	14.950.000	8.970.000
4	Tủ đựng dụng cụ truyền thông	1	10.450.000	8.360.000
5	Smart Tivi 75 Inch	1	25.620.000	15.372.000
Phòng ban: Khoa Kiểm soát bệnh tật		13	9.659.303.000	9.175.178.180
Loại tài sản: Cấp III		1	9.437.333.000	9.059.839.680
1	Nhà làm việc khoa KSBT và Dân số	1	9.437.333.000	9.059.839.680
Loại tài sản: Máy móc thiết bị		8	118.070.000	67.546.000
1	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301537 (CPU); WUV2335A1183 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
2	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301559 (CPU); WUV2335A1585 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
3	Bộ máy vi tính CMS Xmedia; Seri: XM 301630 (CPU); WUV2335A0322 (Màn hình)	1	15.000.000	6.000.000
4	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
5	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media	1	14.260.000	11.408.000
6	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media XQ5P-B86	1	14.850.000	8.910.000
7	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media XQ5P-B86	1	14.850.000	8.910.000
8	Máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam CMS X-Media XQ5P-B86	1	14.850.000	8.910.000
Loại tài sản: Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác		4	103.900.000	47.792.500
1	Máy phun hóa chất đeo vai (Máy phun thuốc bảo vệ thực vật có bộ đầu máy phun ULV)	1	16.500.000	12.375.000
2	Máy phun hóa chất đeo vai (Máy phun thuốc bảo vệ thực vật có bộ đầu máy phun ULV)	1	16.500.000	12.375.000
3	Máy phun ULV Twister XL340/ 3950; Seri: 3574 Khoa KSBT	1	35.450.000	11.521.250
4	Máy phun ULV Twister XL340/ 3950; Seri: 3597 Khoa KSBT	1	35.450.000	11.521.250
Tổng cộng			188.814.766.741	154.351.905.043